

**BÁO CÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÂN BỐ KINH PHÍ KHOẢN CHO
CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NĂM 2023 (Đến ngày 21/09/2023)
(Đính kèm Công văn số 1154/TCKT3 ngày 22 tháng 09 năm 2023 của Vụ TCKT)**

S TT	Đơn vị	Chi cho cán bộ công chức
1	2	
1	Sở Giao Dịch	27.262
2	NHNN CN An Giang	12.452
3	NHNN CN BR Vũng Tàu	17.394
4	NHNN CN Bạc Liêu	9.978
5	NHNN CN Bắc Cạn	10.517
6	NHNN CN Bắc Giang	10.649
7	NHNN CN Bắc Ninh	13.981
8	NHNN CN Bến Tre	8.931
9	NHNN CN Bình Dương	11.798
10	NHNN CN Bình Định	15.858
11	NHNN CN Bình Phước	10.145
12	NHNN CN Bình Thuận	10.599
13	NHNN CN Cà Mau	9.805
14	NHNN CN Cao Bằng	9.741
15	NHNN CN TP Cần Thơ	15.758
16	NHNN CN TP Đà Nẵng	17.865
17	NHNN CN Đắk Lắk	15.025
18	NHNN CN Đắk Nông	11.331
19	NHNN CN Điện Biên	9.837
20	NHNN CN Đồng Nai	12.946
21	NHNN CN Đồng Tháp	9.413
22	NHNN CN Gia Lai	12.027
23	NHNN CN Hà Giang	11.700
24	NHNN CN Hà Nam	11.966
25	NHNN CN TP Hà Nội	38.768
26	NHNN CN Hà Tĩnh	11.872
27	NHNN CN Hải Dương	14.939
28	NHNN CN TP Hải Phòng	15.303
29	NHNN CN Hậu Giang	9.423
30	NHNN CN Hòa Bình	11.570
31	NHNN CN TT Huế	11.204
32	NHNN CN Hưng Yên	11.838
33	NHNN CN Kiên Giang	12.741
34	NHNN CN Kon Tum	10.905
35	NHNN CN Khánh Hòa	11.968
36	NHNN CN Lai Châu	10.548

S TT	Đơn vị	Chi cho cán bộ công chức
1	2	
37	NHNN CN Lạng Sơn	10.177
38	NHNN CN Lào Cai	12.302
39	NHNN CN Lâm Đồng	12.461
40	NHNN CN Long An	12.240
41	NHNN CN Nam Định	13.255
42	NHNN CN Ninh Bình	11.590
43	NHNN CN Ninh Thuận	9.495
44	NHNN CN Nghệ An	17.795
45	NHNN CN Phú Thọ	13.916
46	NHNN CN Phú Yên	8.941
47	NHNN CN Quảng Bình	10.916
48	NHNN CN Quảng Nam	10.760
49	NHNN CN Quảng Ninh	13.840
50	NHNN CN Quảng Ngãi	10.572
51	NHNN CN Quảng Trị	10.958
52	NHNN CN Sóc Trăng	9.484
53	NHNN CN Sơn La	11.322
54	NHNN CN Tây Ninh	10.594
55	NHNN CN Tiền Giang	10.532
56	NHNN CN TP HCM	48.330
57	NHNN CN Tuyên Quang	10.901
58	NHNN CN Thái Bình	15.364
59	NHNN CN Thái Nguyên	11.777
60	NHNN CN Thanh Hóa	13.701
61	NHNN CN Trà Vinh	10.467
62	NHNN CN Vĩnh Long	10.831
63	NHNN CN Vĩnh Phúc	14.154
64	NHNN CN Yên Bái	12.816
65	Cục CN Thông tin	28.068
66	Cục Quản trị	301.568
67	Chi cục Quản trị	32.691
68	Chi cục CN thông tin	6.185
69	Chi cục PHKQ	16.269
70	Cơ quan TTGS Ngân hàng	118.110
71	Cục PHKQ	33.634
	Tổng cộng	1.384.073

Ghi chú: Số đã giao cho các đơn vị là chỉ tiêu chi cho cán bộ công chức không bao gồm Chi quản lý công vụ, mua sắm công vụ, sửa chữa tài sản, chi khác

